

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2025
V/v: Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Lợi.

2. Bà Trịnh Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý sơ thẩm số: 59/2025/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 về việc “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức H - sinh ngày 10/12/1969.

CCCD số: 038069011***.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Trần Thị X - sinh ngày 10/5/1970.

CCCD số: 038170027***.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Đức H và bị đơn là bà Trần Thị X đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị X tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Sau khi được hai bên

gia đình tổ chức cưới, ông, bà chung sống với nhau từ năm 1988 tại xã Q, huyện Q (nay là xã Q) tỉnh Thanh Hoá đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là sau một thời gian dài chung sống tính tình ngày càng không hoà hợp, không còn có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Mặc dù hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cũng từ năm 2000, ông bà đã ly thân, không cùng chung sống mà mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay ông Nguyễn Đức H đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Trần Thị X.

- Về con chung: Ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị X có 03 con chung là Nguyễn Đức S, sinh ngày 20/3/1992; Nguyễn Thị T - sinh ngày 01/3/1994, Nguyễn Thị Q - sinh ngày 11/5/2000. Hiện nay, các con đã trưởng thành, có đầy đủ sức khoẻ để tự chăm lo cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Ông Nguyễn Đức H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị X trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị X và ông Nguyễn Đức H tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, chung sống với nhau từ năm 1988 cho đến năm 2000 nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ năm 2000, ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như ông H trình bày là đúng. Do mâu thuẫn trầm trọng, nên cũng từ năm 2000 ông và bà đã sống ly thân không còn ai quan tâm, chăm sóc ai nữa. Nay ông Nguyễn Đức H đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Đức H, xét thấy giữa hai người không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống vì không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa nên bà đồng ý.

- Về con chung: Bà Trần Thị X đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Đức H về việc ông, bà có 03 con chung là Nguyễn Đức S, sinh ngày 20/3/1992; Nguyễn Thị T - sinh ngày 01/3/1994, Nguyễn Thị Q - sinh ngày 11/5/2000. Hiện nay, các con đã trưởng thành, có đủ sức khoẻ để tự chăm lo cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị X đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Đức H về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 08/9/2025, Toà án nhân dân Khu vực 2 - Thanh Hoá đã tiến hành xác minh tại UBND xã Q, tỉnh Thanh Hóa, xác định: Qua kiểm tra hồ sơ sổ lưu trữ hộ tịch về đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q (nay là xã Q), tỉnh Thanh Hoá từ năm 2007 đến năm 2025 không có thông tin về Đăng ký kết hôn giữa bà Trần Thị X và ông Nguyễn Đức H. Khoảng năm 1988, bà Trần Thị X có chung sống tại địa phương cùng ông Nguyễn Đức H, đến khoảng năm 2006 thì bà Trần Thị X và ông Nguyễn Đức H không còn chung sống với nhau. Sổ đăng

ký kết hôn năm 1988 không còn lưu trữ tại địa phương, vì vậy không có căn cứ xác định việc ông H và bà X có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q (nay là xã Q), tỉnh Thanh Hoá.

* Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thanh Hoá phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48, 49, 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị X chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng cho đến nay vẫn chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ tài liệu, chứng cứ do ông H, bà X cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án tại UBND xã Q, tỉnh Thanh Hoá (trước đây là UBND xã Q, huyện Q) nơi ông, bà chung sống đều không có căn cứ xác định việc ông, bà có đăng ký kết hôn. Nay ông H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Trần Thị X, bà X cũng đồng ý, vì vậy, yêu cầu này của ông H là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về con chung : Quá trình chung sống ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị X có 03 con chung là Nguyễn Đức S - sinh ngày 20/3/1992; Nguyễn Thị T - sinh ngày 01/3/1994, và Nguyễn Thị Q - sinh ngày 11/5/2000. Hiện nay, các con đã trưởng thành, có khả năng lao động, ông H và bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

+ Về tài sản: ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị X không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Ông Nguyễn Đức H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Đức H khởi kiện vụ án Hôn nhân gia đình về việc “Yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng” giữa ông với bị đơn là bà Trần Thị X có nơi cư trú tại thôn Thôn T, xã Q, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông H và bà X vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân : Ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị X tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng cho đến nay vẫn chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Thời điểm quan hệ vợ, chồng của ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị X được xác lập là năm 1988, sau ngày 03/01/1987 nên không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về Thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp. Kết quả xác minh của Toà án tại nơi ông, bà chung sống trước khi ly thân không có thông tin để xác định tình trạng kết hôn của ông, bà. Vì vậy, ông bà đã vi phạm quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị X.

- Về con chung : Quá trình chung sống ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị X có 03 con chung là Nguyễn Đức S - sinh ngày 20/3/1992, Nguyễn Thị T - sinh ngày 01/3/1994, và Nguyễn Thị Q - sinh ngày 11/5/2000. Hiện nay, các con đã trưởng thành, có khả năng lao động, ông H và bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản: Ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Đức H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Đức H.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị X

- Về con chung: Ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị X có 03 con chung là Nguyễn Đức S - sinh ngày 20/3/1992, Nguyễn Thị T - sinh ngày 01/3/1994, và Nguyễn Thị Q - sinh ngày 11/5/2000. Hiện nay, các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên ông H và bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Nguyễn Đức H và bà Trần Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số BLTU/25E số 0000625 ngày 04/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Ông Nguyễn Đức H đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Q,
tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lê Văn Minh